

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Linh Trung, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1741	512	318	475	435
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1672 (96,04%)	497 (97,07%)	300 (94,34%)	447 (94,11%)	428 (98,39%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 (3,56%)	13 (2,54%)	14 (4,4%)	28 (5,89%)	7 (1,61%)
3	TB/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,4%)	2 (0,4%)	4 (1,23%)	0 (0,0%)	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1741	512	318	475	435
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	763 (43,83%)	244 (47,66%)	118 (37,11%)	201 (42,32 %)	200 (45,98%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	625 (35,90%)	168 (32,81%)	126 (39,62%)	176 (37,05%)	155 (35,63%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	348 (19,99%)	99 (19,34%)	74 (23,27%)	97 (20,63%)	80 (18,39%)
4	Yếu/C.Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,23%)	1 (0,2%)	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,06%)		0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1741	512	318	475	435
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1740 (99,94%)	511 (99,8%)	318 (100%)	475 (100%)	435 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	763 (43,83%)	244 (47,66%)	118 (37,11%)	201 (42,32 %)	200 (45,98%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	625 (35,90%)	168 (32,81%)	126 (39,62%)	176 (37,05%)	155 (35,63%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,06%)	1 (0,2%)	0	0	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.06%)	1 (0.2%)	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	30/54 (1.72/3.1)	10/11 (0.57/0.63)	13/16 (0.75/0.92)	6/18 (0/34/1.03%)	1/9 (0.05/0.52%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	5				5
1	Cấp huyện (TpTD)	81	17	19	23	22
2	Cấp tỉnh/thành phố	5				5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	435				435
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	435				435
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	200 (46%)				200 (46%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	155 (35.6%)				155 (35.6%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	80 (18.4%)				80 (18.4%)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	852/889	248/264	155/163	235/241	214/221
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	29	8	5	6	10

Linh Trung, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Lê Quang Vui

